**Quách Tấn**

Di Tích và Truyền thuyết về Nhà TÂY SƠN

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Di Tích và Truyền thuyết về Nhà TÂY SƠN](%22%20%5Cl%20%22bm2)

**Quách Tấn**

Di Tích và Truyền thuyết về Nhà TÂY SƠN

 Những truyền thuyết dưới đây là tôi nghe nội tổ và song thân cùng các vị phụ lão ở Bình khê kể lại. Gia đình tôi ở ấp Tây Sơn hạ (Bình khê hiện thời) đã chín đời. Trong nhà trước đây có hai bộ sử chép tay về nhà Tây Sơn (Tây Sơn dã sử), một của người Bình Định viết, một ở Bắc đưa vào. Thời Pháp thuộc cụ Hoàng Yến làm tri huyện Bình khê mượn xem rồi tịch thu mất (tịch thu là vì đồ quốc cấm). Cho nên những gì tôi viết ra đây là viết thuộc lòng, nghe sao viết vậy mà thôi.
“Ðành chẳng công đâu may khỏi tội
Bao nhiêu chữ đó bấy nhiêu tâm”
(Sào Nam)
          DI TÍCH
          Tây Sơn là dãy núi phía Tây tỉnh Bình Định thuộc hệ thống Trường sơn. Nằm trọn trong phần đất ba quận Vĩnh thạnh, Cam túc, Bình khê hiện tại. Tây Sơn làm ranh giới cho tỉnh Bình Định ở phía đông và Pleiku, Kontum ở phía tây.
          Dãy núi An lão và Kim sơn cũng thuộc hệ thống Trường sơn, cũng nằm phía tây tỉnh Bình Định (ở phía bắc) và cũng dính liền với dãy Tây Sơn (ở phía nam) nhưng không mang danh Tây Sơn. Bởi vì cổ nhân lấy tỉnh lỵ làm điểm đứng ngắm. Tỉnh lỵ Bình Định trước kia là thành Ðồ Bàn ở Nam an, Bắc thuận (An nhơn), thời gần đây là thành Bình Định ở An ngãi, Liêm trực (An nhơn), và hiện nay là Qui Nhơn. Ðứng trong ba nơi này mà trông thì dãy Tây Sơn nằm hẳn về chính tây, còn hai dãy Kim sơn và An lão nằm về tây bắc. Tên Tây Sơn đã có từ lâu.
          Vì núi mệnh danh là Tây Sơn, nên các vùng sơn cước, bình nguyên ở chung quanh cũng gọi là vùng Tây Sơn. Trước kia gọi là Ấp Tây Sơn.
          Ấp Tây Sơn gồm có ba phần:
1.      Tây Sơn Thượng gồm toàn cõi An khê thuộc quận An túc hiện nay, lấy đèo An khê làm ranh giới.
2.      Tây Sơn Trung gồm phần đất đai thuộc quận Vĩnh thạnh hiện nay, tức từ đèo An khê đến địa đầu Hữu giang, Tả giang.
3.      Tây Sơn Hạ gồm đất đai từ Hữu giang, Tả giang đến An chính, tức là phần đất quận Bình khê hiện nay.
          Ấp Tây Sơn xưa kia thuộc huyện Tuy viễn (đất Ðồ Bàn sau khi trở thành đất Việt Nam thì chia làm ba huyện: Bồng sơn, Phù ly, Tuy viễn). Tên ấp bị bỏ từ đời Gia Long.
          CÁC NGỌN NÚI CÓ LIÊN HỆ MẬT THIẾT ÐẾN NHÀ TÂY SƠN
          Ở bắc ngạn sông Côn có hòn Trung sơn, nằm trong địa phận thôn Phú lạc (chánh quán của Tây Sơn tam kiệt).
          Ở nam ngạn sông Côn có những núi:
                Núi HOÀNG ÐẾ, núi HIỂN HÁCH ở quận An túc Ðèo An khê.
                Núi Ông Bình, núi Ông Nhạc ở phía đông đèo An khê.
                Núi Tâm phúc, núi Lãnh lương, hòn Hoành sơn, hòn Ấn, hòn Kiếm nằm dọc theo quốc lộ 19, từ núi Ông Nhạc xuống đến thôn Trinh tường, xã Bình tường, quận Bình khê.
          Từ Tiên thuận trở xuống, dọc theo con sông Côn, đến Hữu giang, Phú lạc núi vẫn nối liền nhau, quanh co khúc khuỷu. Nổi danh nhất là hòn TRUNG SƠN. Hòn Trung sơn thuộc thôn Phú lạc, quê hương của tam kiệt nhà Tây Sơn và anh hùng Mai Xuân Thưởng. Núi không lấy làm cao (422 thước) nhưng trông rất khôi hùng. Trông gần thì mập mạp hung hăng như con bò đực sung sức lúc nào cũng sẵn sàng để chiến đấu. Nên người địa phương thường gọi là hòn SUNG. Lưng núi có nhiều chỗ nổi từng vồng từng ụ, như bị đánh sưng. Nên nhiều người gọi là hòn SƯNG thay vì hòn Sung. Núi còn có tên nữa là ÐỘC XỈ SƠN và ÐỘC NHŨ SƠN, vì ở xa, nếu đứng xiên một phía mà trông thì giống như một chiếc răng nanh dựng ngược, còn đứng trước mặt mà ngó thì tương tợ một nấm vú vun (. Do đó núi lại có tên nữa là BÚT SƠN. HÒN SUNG là tổ sơn trong vùng hữu ngạn. Mặt hướng về đông nam và lấy dãy Sơn Triều sơn ở Cầu Gành, thuộc An nhơn làm Tiền án (2), và long mạch chạy xuống hướng đông đến hòn Mạ Thiên sơn tục gọi là hòn Mò O ở giữa An nhơn và Phù cát, thì hồi cố (3). Phía trước mặt và hai bên tả hữu,gò đống nổi đầy, cuồn cuộn nhấp nhô như sóng biển. Và những ngọn núi chung quanh đều xây mặt về triều củng, như các vị đại thần đứng chầu một đấng anh quân. Còn gò đống kia là quân lính dàn hầu. Ðến viếng Hòn Sung, một du khách có để lại mấy câu rằng:
Hòn Sung tuy thấp mà caoTrời cho làm chốn anh hào lập thânKìa ai áo vải cứu dânKìa ai ba thước gươm thần chống TâyChuyện đời rủi rủi may mayHòn Sung cây trải đá xây bao sờn
          Trên đỉnh hòn Sung có một vùng đá hình chữ nhật, bằng phẳng, bên cạnh có hai tảng đá vuông vức chồng lên nhau. Người ta bảo đó là "Mả mẹ chàng Lía". Truyền rằng mẹ chàng Lía lâm chung tại hòn Chớp Vàng thôn Phú phong. Lía muốn đưa hài cốt đến táng nơi hòn Sung cách đến 5 cây số về hướng bắc, bèn lên đỉnh núi, đầu đội quan tài mẹ, một tay vịn, một tay nắm chiếc mâm đồng ngắm phía hòn Sung mà vút mạnh. Chiếc mâm vụt bay. Liá liền nhảy theo đứng trên mâm, rồi lấy thế nhảy vọt đến hòn Sung. An táng mẹ xong, lía rinh đá khối xây mộ, và chồng hai tảng đá bên mồ để ngồi khóc mẹ.
          Do đó người địa phương còn gọi hòn Sung là hòn "Mả Mẹ Chàng Lía". Sau lưng và phía tả phía hữu của hòn Sung, có nhiều ngọn núi không cao nhưng hiểm trở. Như hòn HÀNH SƠN tục gọi là Dốc Dài nối liền hòn Sung và hòn VINH ÐO tức hòn Dồ ở Hữu giang. Nhưng đặc sắc hơn hết là hòn ÐÁ DÀN, tên chữ là DƯƠNG THẠCH SƠN.
          Hòn ÐÁ DÀN ở phía bắc hòn Sung, cạnh hòn Sống. Trên núi, đá chồng chất, lớp dựng lên lớp giăng ra. Do đó núi mệnh danh là ÐÁ DÀN (dàn bày ra). Dưới chân và trên triền núi, cây cối rậm rạp. Nhưng trên đỉnh lại chỉ có bụi còi. Ðỉnh núi bằng phẳng và chạy dài như một con đường quan lộ. Có lối đi từ chân núi lên đỉnh rồi chạy qua hòn Sống, ra đèo Bồ Bồ..., theo đường tắt ra vùng Kim sơn. Chính nghĩa quân Cần Vương đã dùng con đường này để liên lạc với các mật khu trong hai vùng Bắc Nam.
          Trong dãy núi phía sau lưng hòn Sung, có ngọn suối gọi là SUỐI ÐÁ vì khô quanh năm và trong lòng ngổn ngang là đá, thiên hình vạn trạng, chơm chởm, chập chồng. Ði vào trong sâu, có nhiều hang hố ẩn núp được kín đáo, và muốn vào suối phải qua nhiều lớp gò nổng. Thật có thế "một người chống được cả trăm". Nơi đó là một trong những mật khu của nghĩa quân Cần Vương, do em ruột Mai anh hùng là Mai Xuân Quang trấn giữ.
          Những núi non của dãy Tây Sơn ở phía hữu ngạn sông Côn đại khái là thế. Còn bên tả ngạn, thì núi non cũng trùng trùng điệp điệp. Cùng theo một chiều, lớp chạy lên trên An khê, lớp chạy thẳng vào biên giới Phú yên, lớp chạy xiên xiên xuống hướng đông nam, từ Ðịnh quang xuống Thượng giang, Tả giang, Trình tường, Phú phong; thành từng giây dài, chằng chịt, liên miên... chằng chịt.
          Ðèo AN KHÊ mở lối giao thông giữa Bình Định và vùng Tây Nguyên. Tên An khê mới thông dụng từ thời Pháp thuộc. Trước kia gọi là đèo VĨNH VIỄN.(3) Ðèo An khê cao đến 740 thước và dài trên 10 cây số, chạy từ đông lên tây. Ðường đi rất hiểm trở. Ngày xưa khi Quốc lộ số 19 chưa mở, hành khách phải chịu lắm nỗi gay go. Dọc đèo có nhiều nơi dốc ngược, đá mọc lởm chởm. Có khúc phải dăng hai chân mà leo mới khỏi té. Nơi này tục gọi là dốc CHÀNG HẢNG. Dưới dốc Chàng hảng về phía đông có một cái nghẹo, nơi nghẹo có một cây khế rất sai. Hành khách lên đèo mỏi mệt, thường dừng chân nơi gốc khế để nghỉ ngơi và giải khát. Nghẹo ấy tục gọi là Nghẹo CÂY KHẾ. Cách nghẹo Cây Khế chừng một khỏang có hai cây cổ thụ sống trên vài trăm năm, thân cao tàn cả, một cây KÉ, một cây CẦY. Ðó cũng là hai trạm nghỉ chân rất được hành khách lưu luyến. Trên đỉnh đèo có đồn Thượng an do người Pháp cất.
          Thời chiến tranh Việt Pháp (1945-1954), nơi đồn này đã xảy ra nhiều trận kịch chiến. Và trước ngày ký Hiệp định Genève, quân Pháp ở trong đồn đã bị nghĩa quân tiêu diệt gần hết. Tiếp đó đồn An khê ở phía tây đèo, cũng bị bao vây. Thực dân Pháp và các nhà tư bản Việt Nam ở thị trấn An khê phải tản cư bằng máy bay.
          Trước đây gần 200 năm, đèo An khê là con đường lên xuống của binh mã nhà Tây Sơn. Hùng khí vẫn còn ngùn ngụt. Chung quanh đèo, núi non chồng chất. Ở vùng An khê (tức quận An túc hiện giờ) có núi HIỂN HÁCH tục gọi là Hảnh Hót và Ðại Nam Nhất Thống Chí chép là HINH HỐT là một danh sơn có nhiều danh mộc, và chung quanh có nhiều ngọn núi qui triều. Núi vùng An khê liên tiếp với vùng Cao nguyên.
          Phía đông đèo An khê, thuộc Tây Sơn Trung, núi cũng cao chớm chở như vùng Tây Sơn Thượng, tức vùng An túc. Ngọn núi có danh nhất là hòn ÔNG BÌNH. Hòn ÔNG BÌNH nằm phía tây thôn Thượng giang. Tuy cao chỉ có 793 thước, song trông rất kỳ vĩ, và có vẻ bí hiểm. Cây cối sầm uất, ngó mịt mờ thăm thẳm như không có đường lưu thông. Nhưng sự thật thì có nhiều đường lối ra vào. Nơi triền phía bắc, có đường đèo đi từ Ðồng hào ở ngả đông, lên Trạm Gò, Cửu an ở ngả tây. Ðèo này gọi là đèo VẠN TUẾ, tuy ngắn song dốc và đá mọc lởm chởm, nên rất khó đi. Ở triền phía nam, có con đường mòn chạy theo hướng đông nam để đến đèo An khê. Ðó là con đường lịch sử (sẽ nói rõ ở đoạn sau). Ðối trĩ cùng hòn Ông Bình, xiên xiên về hướng đông nam có hòn ÔNG NHẠC cao và rậm không kém hòn Ông Bình. Khí thế cũng rất hùng hiểm.
         Từ hòn Ông Nhạc, núi chạy lớp thì vào thẳng trong Nam, lớp thì chạy xiên xiên xuống hướng đông nam. Danh sơn đều nằm trong dãy đông nam. Trước hết là hònTÂM PHÚC, tục gọi là hòn BÀ PHÙ. Hòn Tâm Phúc không cao, hình giống như chiếc nón lá úp sấp. Núi có nhiều cây cổ thụ và nhiều thú rừng, nhất là heo. Ðây là một hòn núi cấm, không ai được vào đốn củi, săn thú. Nhưng không cấm cũng ít ai dám vào, vì truyền rằng núi rất linh thiêng. Bà Thiên-Y A-Na thường tới lui, hào quang sáng chói. Thường ngày lúc mặt trời gần lặn, người ở gần núi thường nghe tiếng ụt heo inh ỏi. Người ta bảo rằng đó là tiếng của những kẻ bộ hạ ở nuôi heo cho bà Thiên Y. Vì núi có bà Thiên Y tới lui nên mới mệnh danh là hòn Bà Phù, tức là hòn núi của bà có Phù Phép.
          Gần hòn Bà Phù có hòn MÀN LĂNG. Hai núi đối trĩ nhau. Thầy địa gọi hòn Màn Lăng là hòn Nhật, hòn Bà Phù là hòn Nguyệt. Giữa hòn Màn Lăng và hòn Bà Phù có một thung lũng bằng phẳng và kín đáo, tục gọi là Hóc Yến. Qua khỏi Hóc Yến đến núi ÐÔNG PHONG tục gọi là hòn LÃNH LƯƠNG. Những ngọn núi thượng dẫn liên hệ mật thiết với nhau, chẳng những về phương diện địa lý vì cùng một sơn mạch; mà còn liên hệ về mặt lịch sử, lịch sử nhà Tây Sơn.
. TRUYỀN THUYẾT
          Nhà Tây Sơn trước khi khởi nghiệp đã dùng dãy núi Tây Sơn làm căn cứ quân sự. Và đạo quân tiên phong gồm hầu hết người Thượng.Truyền rằng: Tất cả các bộ lạc ở vùng Tây Sơn đều theo tam kiệt. Chỉ có người Thượng Xà Ðàng ở vùng An khê không phục. Ðể cho họ tin rằng mình là người của Trời sai xuống trị thiên hạ, Nguyễn Nhạc dùng giỏ bội gánh nước.
          Họ Nguyễn lấy một đôi giỏ bội mới, dùng giấy bổi quét dầu trong phất ở phía trong lòng giỏ. Rồi mỗi buổi sớm gánh đôi giỏ xuống khe múc nước về. Người Thượng đứng xa trông thấy nước không chảy ra các lỗ giỏ, đều cho Nguyễn Nhạc là kỳ nhân. Nhưng viên chúa đảng cho rằng có phù phép, chớ không phải chơn mạng đế vương.
          Nhân trên núi Hiển Hách có bầy ngựa rừng, hễ thấy bóng người liền chạy trốn. Người chúa đảng bảo Nguyễn Nhạc nếu gọi được bầy ngựa ấy chạy đến thì mới thật là người Trời. Nguyễn Nhạc về nhà mua một con ngựa cái tơ thật tốt, dạy dỗ thật khôn hễ nghe tiếng hú thì chạy đến. Ðoạn đem thả ngựa vào núi cho theo bầy ngựa rừng. Ngựa rừng xúm lại "ve vãn" và luôn luôn kèm bên chân. Nguyễn Nhạc cất tiếng hú, ngựa cái chạy đến. Bầy ngựa rừng cũng chạy theo, nhưng vừa thấy bóng người thì quày trở lui, song chạy một đoạn xa xa, ngoảnh lại trông, thấy ngựa cái vẫn đứng với người một cách thân mật, thì dừng lại đứng ngó. Nguyễn Nhạc lấy cỏ bỏ cho ngựa cái ăn, rồi bỏ ra về. Bầy ngựa rừng liền kéo đến ăn cỏ. Hôm sau Nguyễn Nhạc lại đến hú và lấy cỏ cho ngựa ăn. Bầy ngựa rừng thấy người không có ý làm hại giống nòi, lần lần làm quen...
          Nguyễn Nhạc bèn đến tìm chúa Xà Ðàng, hẹn ngày và nơi gọi ngựa.Ðến kỳ hẹn, Nguyễn Nhạc cùng chúa Xà Ðàng và một ít bộ hạ đến núi Hiển Hách. Nguyễn Nhạc đứng giữa hai tảng đá dựng cao lút đầu người, và bảo chúa Xà Ðàng cùng bộ hạ núp phía sau, im hơi lặng tiếng. Ðoạn cất tiếng hú. Nghe tiếng chủ hú, ngựa cái từ trong rừng sâu chạy ra. Bầy ngựa rừng chạy theo sau. Nguyễn Nhạc lấy cỏ cho ăn. Ðã quen người quen lệ, bầy ngựa rừng không chút sợ hãi. Nguyễn Nhạc vuốt ve ngựa cái rồi từ từ đến gần bầy ngựa, vuốt mỏ vuốt lưng, hết con này đến con khác. Vì thấy ngựa cái đứng yên để vuốt ve, bầy ngựa rừng cũng vững tâm ăn cỏ...
          Người Thượng Xà Ðàng thấy Nguyễn Nhạc "gọi" được bầy ngựa rừng thì tin rằng là "Người Trời", nên thần phục và chịu theo đánh giặc. Những người Thượng cũng như người Kinh, tuyển mộ được bao nhiêu đều đem về hòn Ông Bình và Ông Nhạc để tập luyện. Dinh trại đều cất trong hai núi này. Nguyễn Nhạc trấn thủ một núi, Nguyễn Huệ trấn thủ một. Vì vậy nên hai ngọn núi này mang tên hai vị chỉ huy: Ông Nhạc, Ông Bình. Bình là tên chữ Nguyễn Huệ (Nguyễn Quang Bình). Ðối với Nguyễn Huệ, người địa phương ít hay gọi tên húy. Lúc nhỏ thì thường gọi là "chú Ba Thơm" (hoa Huệ có hương), lớn lên lại thường hay gọi tên chữ "Ông Bình". Tên Nguyễn Quang Bình tuy đã đặt từ trước, nhưng mãi sau khi lên ngôi cửu ngũ lấy niên hiệu Quang Trung, đánh đuổi quân Mãn Thanh rồi mới thấy xuất hiện trong sử sách. Sau khi vua Quang Trung thăng hà, miếu hiệu Thái tổ Vũ Hoàng đế, thì hòn Ông Bình được tôn xưng là hòn Thái tổ. Còn hòn Ông Nhạc thì người sau đọc trại là Ông Nhược.
          Nhà Tây Sơn cử binh đánh nhà Nguyễn năm Tân Mão (177. Trước khi cử sự, binh đóng ở hòn Ông Nhạc đều dồn qua hòn Ông Bình. Rồi đại binh kéo đến đèo An khê làm lễ tế cờ khởi nghĩa. Lễ tế cờ cử hành gần nơi cây Cầy và cây Ké. Cho nên tục ngữ có câu "Cây Ké phất cờ, cây Cầy khỉ cổ".(4)
          Truyền rằng: Ðại binh kéo đến đèo An khê khi xuống vừa khỏi nghẹo Cây Khế, thì một con rắn thân lớn bằng cột nhà, sắc đen nhánh như hạt huyền, thời nhân gọi là Ô Long, từ trên cây Ké bò xuống, nằm chận ngang đường đi. Binh mã sợ không dám đến. Nguyễn Nhạc liền xuống ngựa, tuốt gươm đến chém, lấy máu đề cờ. Nhớ chuyện Hán Cao Tổ chém rắn khởi nghĩa, tướng sĩ tin là điềm lành nên nức lòng phấn chí. Tế cờ xong liền tiến binh.
Binh đến núi Bà Phù thì trời tối. Nguyễn Nhạc bèn dừng lại nghỉ. Ðêm đến mở yến tiệc thết đãi tướng sĩ tại thung lũng dưới chân Bà Phù. Sáng hôm sau mới tiếp tục tiến phát.
          Nhân việc đồn binh được yên ổn, và yến ẩm vui vầy, Nguyễn Nhạc mới đặt tên hòn Bà Phù là hòn Tâm Phúc, và người đương thời gọi thung lũng là Hóc Yến. Trước khi xuất binh, Nguyễn Nhạc đã sai Nguyễn Lữ đi vận tải lương thực đến chân núi Ðồng phong. Khi binh xuống đến Ðồng phong thì lương thực cũng vừa tải đến. Nguyễn Nhạc cho đóng binh lại để phát lương và nghỉ ngơi để chuẩn bị tinh thần chiến đấu. Tướng sĩ được lãnh lương thực tại Ðồng phong nên gọi núi Ðồng phong là hòn LÃNH LƯƠNG.
          Từ hòn Ông Nhạc đến hòn Lãnh lương, núi chạy dọc, xiên xiên xuống hướng đông nam. Nhưng đến địa đầu thôn Trinh tường, núi lại quay ngang ra hướng bắc, thành hòn HOÀNH SƠN, tức là NÚI NGANG, nằm theo hướng tây nam - đông bắc. Núi Ông Bình ngó ngay xuống Hoành sơn và làm hậu tẩm cho Hoành sơn vậy. Hòn HOÀNH SƠN không cao (361 thước), nhưng dài và rộng. Phía tây và phía nam, dòng suối Ðồng tre và chi lưu ôm sát bên chân. Ðường quốc lộ 19 chạy dài ở phía bắc. Trước mặt, đồng Trinh tường tiếp đồng Phú phong, và bên chân một con đường hương lộ chạy từ bắc vào nam, hợp cùng quốc lộ 19 và hai nhánh suối Ðồng tre, thành một chữ NHẬT làm ranh giới cho núi. Mộ của Nguyễn Phi Phúc, thân sinh của Tây Sơn tam kiệt, nằm trong hòn núi này (Hoành sơn).
          Truyền rằng: Niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê (1740-1786), trong khoảng Ðịnh vương Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) trị vì miền Nam, có một thầy địa lý Trung hoa, tục gọi là thầy địa Tàu, thường ngày cứ đi đi lại lại trong vùng Tây Sơn. Nguyễn Nhạc theo rình xem. Một hôm thấy thầy địa đến Hoành sơn, dùng hai cây trúc cành lá xanh tốt và giống in nhau, đem cắm nơi triền phía đông, một cây ngoài bắc, một cây trong nam, rồi bỏ mà đi thẳng. Biết rằng vùng Tây Sơn là một đại địa, và thầy địa Tàu không tìm ra huyệt tinh nên tìm cách để thử huyệt khí, Nguyễn Nhạc bèn lưu ý đến nơi trồng hai cây trúc và ngày ngày đến thăm chừng. Cách mấy hôm sau, cây trúc phía bắc sống và tươi tốt như lúc mới trồng. Ðó là chứng ứng cho biết rằng long huyệt nằm ở đó. Nguyễn Nhạc hết sức mừng, bèn nhổ cây khô đem cắm vào chỗ cây sống, và đem cây sống đến cắm chỗ cây khô.
          Mười hôm sau, tính đúng 100 ngày từ khi trồng trúc, thầy địa Tàu đến. Thấy hai cây trúc đều chết cả hai, thầy địa nhún vai trề môi, bỏ đi không thèm trở lại nữa. Bởi thầy cho rằng đó chỉ là "giả cuộc" mà thôi. Nguyễn Nhạc bèn về bốc mộ ông thân sinh đem táng nơi chân trúc phía bắc. Lại có người bảo rằng: Thầy địa lý Tàu vốn quen thân với Nguyễn Nhạc. Lúc đến vùng Tây Sơn "tìm long điểm huyệt", thường tá túc nơi nhà họ Nguyễn, và chính Nguyễn Nhạc là người dẫn lộ cho thầy Tàu. Ði khắp cả vùng Tây Sơn, thầy địa chỉ chú ý đến hòn Hoành sơn. Thầy đi qua đi lại không biết mấy lần, hết đặt địa bàn ở chỗ này thì đem đặt ở chỗ khác, ngắm nghía, tính toán, có vẻ đắc ý lắm. Ðoạn thầy bỏ đi đâu mất biệt. Hơn một năm sau thầy trở lại và cũng ghé nghỉ ngơi nhà Nguyễn Nhạc. Lần này ngoài chiếc địa bàn, thầy còn mang theo một chiếc trắp nhỏ, bọc trong một chiếc khăn điều.
          Ðoán biết rằng thầy Tàu đã tìm được "huyệt mả đại phát" nơi Hoành sơn nên về Tàu hốt cốt tiền nhân đem qua chôn, Nguyễn Nhạc bèn tìm cách đánh đổi. Nhưng làm sao đánh đổi được, vì thầy Tàu không khi nào rời chiếc trắp ra, thậm chí cả những lúc "đi sông đi bãi"? Nguyễn Nhạc đóng một chiếc trắp giống hệt chiếc trắp của thầy địa, và hốt cốt ông thân sinh đựng vào, rồi đem dấu sẵn nơi chân Hoành sơn...
          Ðến ngày đã chọn, thầy Tàu lén mang chiếc trắp cùng địa bàn đi lên Hoành sơn. Vừa đến chân núi thì một con cọp tàu cau to lớn ở trong bụi, gầm lên một tiếng, nhảy ra vồ. Thầy Tàu hết hồn, quăng trắp và địa bàn mà chạy. Hồi lâu không thấy cọp đuổi theo, liền quay trở lại chỗ cũ. Thấy chiếc trắp và địa bàn còn nằm lăn lóc đó, thầy mừng như chết đi sống lại, vội trực chỉ lên nơi long huyệt đã tìm ra. Chôn cất xong yên thầy hớn hở trở về Trung quốc, không ngờ rằng chiếc trắp thầy chôn vốn đựng di hài Nguyễn Phi Phúc, và con cọp kia chỉ có lớp ngoài mà thôi.
          Hai thuyết không biết thuyết nào đúng. Hai bên chỉ khác nhau ở chi tiết. Cả hai đều đồng một điểm chính là mộ Nguyễn Phi Phúc chôn ở Hoành sơn. Song không ai biết đích xác ở chỗ nào. Chỉ nghe truyền rằng mộ gối đầu lên dãy núi phía tây nam ( và lấy hòn Hương sơn ở Kiên thạnh (Bình khê) làm nội án, hòn Mò O (An nhơn) làm ngoại án. Hai hòn này nằm xiên xiên hướng đông bắc hòn Hoành sơn. Vì có mộ của Nguyễn Phi Phúc, nên hòn Hoành sơn được tôn xưng là THIẾU TỔ.
          Sát chân núi Ngang phía đông, khoảng giữa, nổi lên một trảng đất lum lum. Trong khoảng này dáng núi lại hơi cong cong. Ðứng phía trước trông vào thì giống một ghế bành vĩ đại, mà lưng và tay dựa là núi, và mặt ghế là trảng đất. Trên trảng nằm song song hai nấm mộ bằng đá, hình chữ nhật. Vua Gia long ngờ rằng đó là phần mộ của ông bà Nguyễn Phi Phúc , song thân ba vua Tây Sơn, nên truyền quan địa phương khai quật. Nhưng hài cốt không thấy đâu cả, mà chỉ thấy bốn chum dầu phụng đã lưng, trong mỗi chum có một ngọn đèn chong chóng đang cháy.
          Ai cũng biết bốn chum dầu ấy do nhà Tây Sơn chôn, song không ai đoán ra mục đích. Và tất cả mọi người đều biết di hài của ông bà Nguyễn Phi Phúc táng tại Hoành sơn, nhưng cũng không có người nào biết được nơi chôn. Vua quan nhà Nguyễn ra công tìm kiếm, nhưng dấu tích vẫn mờ mịt khói mây. Nơi trảng đất dưới chân Hoành sơn, hiện nay vẫn còn ít nhiều di tích. Những khách phương xa đến viếng cảnh, không biết rõ câu chuyện, đều lầm tưởng là mộ Nguyễn Phi Phúc bị đào.
          Có người bảo rằng ngọc cốt của vua Thái Ðức Nguyễn Nhạc cũng táng trong vùng Hoành sơn. Ðó là bằng theo chuyện "bạch mã hiện hình" mà ức đoán. Nguyên vua Thái Ðức có một con chiến mã: Thân vóc cao lớn như ngựa Bắc thảo, lông trắng như tuyết, đuôi và kỳ mao mịn như tơ. Nhà vua yêu quí rất mực. Sau khi nhà vua băng hà, con bạch mã sổ chuồng chạy mất, quan quân tìm kiếm không ra. Cách ít lâu, chiều chiều người trong vùng Hoành sơn thường trông thấy bóng ngựa trắng, khi thì đi thơ thẩn dưới chân núi, khi thì lên trên đỉnh đứng hí não nùng. Mọi người đều tin rằng đó là con bạch mã, hoặc là hồn thiêng con bạch mã của vua Thái Đức. Vì tôn trọng nhà vua, người trong ấp Tây Sơn không một ai nuôi ngựa trắng. Nhưng sau khi hai nấm mộ giả nơi trảng đất dưới chân núi bị nhà Nguyễn phá hủy, thì bóng ngựa vắng biệt trong một thời gian khá lâu. Mãi đến khi nhà anh hùng Mai Xuân Thưởng dấy nghĩa Cần Vương (1885-1887) thì bạch mã xuất hiện trở lại. Người địa phương cho là "ngựa thần" nên hết lòng kính sợ.
          Vì sao thấy "ngựa trắng hiện hình" lại đoán rằng lăng mộ vua Thái Ðức táng nơi núi Ngang? Là vì ngựa vốn là giống vật rất khôn và có nghĩa. Nhiều con, chủ chết, bỏ ăn bỏ uống ra mả nằm chết theo. Lắm con không chết theo, nhưng thỉnh thoảng tìm đến thăm mả chủ, và cất tiếng hí thê lương. Nếu ngọc cốt của nhà vua không an táng nơi Hoành sơn thì sao con ngựa - hay hồn ngựa - của nhà vua lại tìm đến.
          Ðó là ức đoán, chớ từ xưa đến nay không ai biết rõ nơi chôn cất vua Thái Ðức, mặc dù vẫn truyền rằng di thể được long trọng đưa về cố hương. Còn về việc người Bình khê, nhất là người Phú lạc, Trinh tường, không nuôi ngựa trắng thì trước kia hoàn toàn do lòng tôn trọng vua Tây Sơn, sau này một phần lớn do lòng mê tín: sợ thần Bạch Mã.
          Nghe đồn rằng: Thời Pháp thuộc, tại Ðồng vụ (thuộc Trinh tường) có người mua được một con ngựa bạch toàn sắc, đem về nuôi không được bao lâu thì tự nhiên ngã đùng ra chết. Người ta tin là bị thần Bạch Mã vật. Do đó lòng kiêng cữ nuôi ngựa trắng của người địa phương gia tăng.
          Ðó là những chuyện ngày xưa. Từ ngày đất nước nổi binh đao, không biết ngựa trắng có còn xuất hiện nơi Hoành sơn và người vùng Hoành sơn có còn sợ thần Bạch Mã? Dù có hay không có, những huyền thoại kể trên thêm vào những di tích lịch sử, làm tăng phẩm giá cho Hoành sơn.
          Năm Tân Sửu (196, nhân dân Bình khê lại dời trung cốt Mai anh hùng đến an táng. Lăng tẩm trang nghiêm hùng tráng làm tăng khí sắc của sông núi bội phần. Khách du quan đến Bình Định, tưởng không nên quên núi Ngang vậy. Các thầy địa lý Việt Nam cũng như Trung hoa đều công nhận đất Hoành sơn là đại địa, vì có nào bút nào nghiên, nào ấn nào kiếm, nào cổ nào chung, ở bên tả bên hữu. Trước mặt trên ba nổng gò, đá mọc giăng hàng giống như những toán quân đứng chầu chực. Và xa xa có hổ phục long bàn.
          Không phải ngoa ngôn: Bút đó là hòn Trung sơn ở bên Phú lạc, xa trông phảng phất như ngòi bút chép mây. Nghiên đó là hòn Hội sơn tục gọi là hòn Dũng, trong địa phận Trinh tường về phía nam, đứng đối trí cùng hòn Trung sơn ở phía bắc. Cũng như hòn Hoành sơn và hòn Trung sơn, hòn Hội sơn không cao lắm (491 m) nhưng trông đồ sộ, uy nghiêm. Trên núi có một vũng nước vừa rộng vừa sâu, quanh năm không bao giờ cạn. Người địa phương lên vỡ đất làm ruộng, đất tốt không kém dưới đồng bằng. Vì núi có vũng nước nên đám bình dân, gọi núi là hòn Vũng thay vì hòn Dũng. Còn đám hàn mặc thì coi vũng nước là nghiên mực của trời, nên đặt cho núi một tên nữa là NGHIÊN SƠN tức HÒN NGHIÊN vậy. Lên chơi hòn Nghiên, Ðịnh Phong có mấy câu cảm hứng:
“Trên non có nước
Gắng bước mà lên
Nước non còn nợ chớ quên
Lòng trong với nước gan bền cùng non
Trời Tây mây kéo hoàng hôn
Biển Ðông thấp thoáng sóng dồn bình minh
Nghiên son mài ráng lung linh
Bút tuôn hàng nhạn chép tình nước non...”
          Hòn NGHIÊN và hòn BÚT nằm bên hữu và bên tả hòn Hoành sơn, trông thật cân đối. Khách thơ ví von Hoành sơn như bức bình phong, còn hai hòn BÚT NGHIÊN là hai trụ ba biểu đứng hai bên, hơi lấn ra phía trước một ít. Sát bên chân hòn Hoành sơn lại có hai hòn núi nhỏ đứng song song, giống hệt bộ chuông trống nho nhỏ để trước chiếc án thờ. Ðó là HÒN MỘT và HÒN GIẢI. Cổ nhân gọi hòn Một là CHUNG SƠN tức hòn Chuông, hòn Giải là CỔ SƠN tức hòn Trống.
          Cổ nhân đặt tên không phải dựa vào vị trí, nhưng dựa hình dạng. Hòn Một trông phảng phất qủa chuông đồng. Còn hòn Giải thì đứng ở phía bắc trông vào thì dáng tròn tròn như cái trống. Nhưng đứng phía đông mà ngó lại thấy hơi vuông vuông như một chiếc ấn. Vì vậy hòn Giải còn có tên nữa là ẤN SƠN tức hòn Ấn. Ðặt cho hòn Giải tên Ấn sơn chẳng phải vì hình dáng mà còn vì ở phía đông, nơi vùng Gò Sặt (Trinh tường) có một hòn núi thấp và dài gọi là hòn KIẾM SƠN tức hòn Kiếm. Có Kiếm thì phải có Ấn mới đủ đôi.
          Truyền rằng: Sau khi chiếm được long huyệt ở Hoành sơn thì ba anh em Nguyễn Nhạc vùng phát tướng. Gương mặt trông sáng rỡ, và việc học hành - võ cũng như văn - tiến bộ lạ thường. Thầy học là cụ Giáo Hiến - một người miền Ngoài, giỏi văn lẫn võ, lại rành khoa tướng số - trước kia vốn đã có biệt nhãn cùng ba anh em họ Nguyễn, nay thấy thần sắc, biết vận trời đã đến, bèn đem câu sấm "Tây khởi nghĩa, Bắc thu công" ra khuyên Nguyễn Nhạc vè lo mưu đồ đại sự. Vâng lời thầy, ba anh em trở về Kiên thành lo chiêu mộ hào kiệt.
          Vùng đất Tây Sơn xưa kia núi rừng rậm rạp, chuyện thần linh qủy dữ lan tràn khắp đó đây. Ðể quy tụ lòng dân, Nguyễn Nhạc bèn lợi dụng óc mê tín của quần chúng. Hòn Trung sơn ở Phú lạc tuy ở gần thôn xóm, nhưng ít ai dám lên vì sợ "mả mẹ chàng Lía", và nhất là sợ cọp. Thỉnh thoảng Nguyễn Nhạc cho người tâm phúc lên núi, nủa đêm nổi trống nổi chiêng. Người chung quanh vùng kẻ cho rằng hồn chàng Lía về cúng mẹ, người lại bảo đó là quỉ thần mở hội vui. Kẻ bàn người tán, không mấy lúc tiếng bay tận ngàn xa, một thành mười, mười thành trăm... Hòn Trung sơn từ xưa đã có tiếng càng thêm nổi tiếng.
          Một hôm, nhà Nguyễn Nhạc có kỵ. Khách khứa đông đúc. Cỗ bàn vừa ăn xong thì trời đã khuya. Những người ở xa đều phải nghỉ lại, còn người trong xóm thì lục tục ra về. Bỗng trên Trung sơn, tiếng trống chiêng vang dội, và trong bóng cây trên đỉnh, ánh lửa lập loè. Ai nấy đều kinh dị. Nguyễn Nhạc rủ người lên xem thử "quỉ thần làm trò gì". Phần đông đều e ngại. Chỉ bốn năm tay lực sĩ xin theo.
          Nai nịt gọn gàng, chân vũ hài, tay trường kiếm, đoàn người lần bước lên đỉnh Trung sơn. Khi gần đến đỉnh, trong ánh lửa mập mờ hiện ra một ông lão râu ba chòm bạc phếu, đầu đội mũ cánh chuồn, mình khoác áo đại bào, chân đi hia..., bộ dạng giống hệt một ông lão văn trong các vở tuồng hát bội. Ai nấy ớn lạnh vì sợ, và không ai bảo ai, mọi người đều dừng lại một lượt. Ông lão cất tiếng bảo: Trong anh em có ai là Nguyễn Nhạc chăng? Nếu có thì hãy lại gần đây nghe lệnh. Còn các người khác hãy đứng yên. Nguyễn Nhạc run sợ bước ra, đến quì trước mặt ông lão. Ông lão phất tay áo, lấy ra một tờ chiếu rồi đọc lớn: Ngọc Hoàng sắc mạng Nguyễn Nhạc vi Quốc vương.
          Ðoạn trao tờ chiếu cho Nguyễn Nhạc rồi quay bước đi vào trong bóng tối. Từ ấy tiếng đồn khắp nơi, và ngôi Quốc vương của Nguyễn Nhạc nằm vững trong tâm trí quần chúng. Trong đám sĩ phu, trừ cụ giáo Hiến, không mấy ai biết đó là kế của Nguyễn Nhạc.
Chưa lấy làm đủ, Nguyễn Nhạc còn tìm một thanh bảo kiếm và đúc một quả ấn vàng, rồi đem dấu trong vùng núi Trinh tường.
          Một hôm cùng bộ hạ ở An khê về, đến Hoành sơn thì ngựa của Nguyễn Nhạc lồng lên, rồi thẳng cổ chạy nước đại. Nhưng không chạy trẽ ra hướng bắc để qua sông về Kiên thành, lại chạy vào hướng đông nam. Ðến chân núi phía trong gò Sặt, cương ngựa bị đứt, Nguyễn Nhạc té nhào, trặc chân không đứng dậy nổi. Ðám tùy tùng chạy đến xoa bóp hồi lâu mới đỡ. Khi đứng dậy để lên ngựa trở về, Nguyễn Nhạc chợt thấy chuôi kiếm ló ra nơi vách đá trên sườn núi. Sai người lên lấy thì là một thanh kiếm xưa lưỡi sáng như nước. Ai nấy đều mừng là "của trời ban".
          Về nhà Nguyễn Nhạc nói cùng hai em và thuộc hạ: Ngọc Hoàng đã sắc phong ta làm Quốc vương, lẽ tất nhiên là phải ban ấn kiếm. Nay kiếm đã có rồi, ta phải đi tìm ấn. Ðoạn tổ chức ngay lễ cầu đảo tại chân núi Hoành sơn. Cầu đảo ba đêm ngày. Ðêm làm lễ, ngày cho người đi tìm khắp nơi. Ðã hai ngày liền, hàng trăm người chia nhau đi khắp các núi khe quanh Hoành sơn, mà không có kết qủa. Ðêm thứ ba, lúc nửa đêm chiêng trống hành lễ vừa dứt, thì một vòi lửa như pháo thăng thiên bay xẹt từ hòn Một đến hòn Giải thì rơi xuống. Tiếp đó một tiếng nổ nhỏ như tiếng pháo tre, rồi một tiếng nổ lớn có phần dữ dội làm chấn động cả vùng. Ai nấy đều thất kinh. Sáng sớm Nguyễn Nhạc đem người đến hòn giải xem, thì thấy sườn phía nam có một vùng như bị sét đánh lở và nám đen. Trèo lên xem thì một quả ấn vàng nằm trong kẽ đá tại nơi bị lở. Ai nấy đều tin là "ấn trời ban".
          Sau khi dụ được người Thượng các sóc theo mình, Nguyễn Nhạc dùng rừng Mộ điểu làm căn cứ quân sự. Dinh trại đóng trên núi. Ðể lấy lương thực nuôi quân, cho phá rừng làm ruộng. Công việc khai khẩn, tiếp đến công việc canh tác và thu hoạch đều do cô Hầu đảm đương.
          Khi Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng đế ở Ðồ Bàn, cô Hầu vẫn ở nhà khai thác đồng lúa. Do đó đồng mệnh danh là đồng Cô Hầu. Và ngọn núi coi như là nơi phát tích nhà Tây Sơn nên được tôn xưng là núi HOÀNG ÐẾ. Khi mới khởi sự, binh lính của nhà Tây Sơn phần đông đều là người Thượng. Những người Thượng mộ được ở vùng An khê (An túc hiện thời) trước hết đều dồn về căn cứ Mộ Ðiểu tập luyện trong ít lâu rồi mới đưa xuống núi Ông Bình, Ông Nhạc ở dưới đèo An khê để khép vào hàng ngũ và huấn luyện thêm.
          Truyền rằng: Một hôm Nguyễn Huệ vâng lệnh anh chỉ huy một đạo tân binh từ Mộ điểu xuống An bình. Gần đến chân phía tây đèo An khê thì đạo binh vùng thối lui: Một cặp rắn mun cực kỳ to lớn nằm chận giữa đường, cổ cất cao như cột nhà cháy và miệng hả to như hai chậu máu tươi. Mọi người đều kinh hồn và cho là một điềm xấu. Nguyễn Huệ liền xuống ngựa, chấp tay khấn: Nếu anh em chúng tôi có thể dựng được nghiệp lớn thì xin Xà Thần tránh đường cho quân đi. Bằng mạng số chúng tôi không ra gì thì chỉ xin cắn chết tôi mà tha cho quân lính được sống về cùng vợ cùng con. Vừa khấn xong thì cặp rắn quay đầu xuống, song song đi trước dẫn đường cho đạo binh. Tới thôn Thượng an thì dừng lại. Một con vào bụi rậm ngậm ra một thanh long đao, cán đen như mun, lưỡi bén như nước. Rồi cả hai ngậm ngang thanh đao, song song bò đến dâng cho Nguyễn Huệ. Ðoạn biến mất. Thanh đao Nguyễn Huệ dùng đánh giặc là thanh đao của thần rắn dâng. Ðể tỏ lòng tri ân, Nguyễn Huệ lập miếu thờ thần rắn tại nơi dâng đao. Miếu ấy hiện nay vẫn còn và tục gọi là Miếu Xà.
          Nhưng miếu hiện thời không phải là miếu ngày trước. Vì miếu xưa đã lâu đời bị sập đổ. Trong một khoảng thời gian khá lâu dấu tích đã bị mất hẳn. Nhưng rồi cọp thường ra ngồi rình nơi sân miếu, hành khách qua lại bị hao khá nhiều. Ðể tránh hổ hoạn, người địa phương bèn lập lại miếu thờ, hầu mong thần rắn phù hộ.
          Lại có người bảo rằng: Miếu xà là nơi thờ con rắn mà Nguyễn Nhạc đã chém lấy máu đề cờ khi cử lễ xuất binh đánh chúa Nguyễn. Con rắn Nguyễn Nhạc chém đó cũng loại rắn mun. Chuyện Nguyễn Nhạc chém rắn lấy máu đề cờ thường nghe các phụ lão ở miệt dưới đèo An khê kể. Chuyện rắn mun dâng long đao cho Nguyễn Huệ thường nghe các phụ lão ở vùng phía tây đèo An khê và những người buôn Thượng kể.
          Một bên thì lấy cây Cầy cây Ké ở đèo An Khê, là nơi Nguyễn Nhạc tế cờ trước khi xuất binh, và câu "Cây Ké phất cờ, cây Cầy khỉ cổ" của địa phương làm bằng. Một bên thì chỉ "Miếu Xà" làm chứng. Chuyện tuy không có sách vở chép để, song có bằng chứng rõ ràng. Như vậy tin cũng khó mà không tin cũng khó.
          Những câu chuyện huyền thoại thường đều xây dựng trên sự thật. Chuyện "chém rắn đề cờ", chuyện "rắn thần dâng đao", một là chuyện có thật, nhưng "có ít xít ra nhiều"; hai là những con rắn thần kia do nhà Tây Sơn "đẻ ra". Những câu chuyện "Ngọc Hoàng ban sắc", "Ngọc Hoàng ban ấn kiếm", đã kể ở các mục trước, có thể chứng minh cho thuyết "rắn do người đẻ".
          Mà những bậc đại tài như Tây Sơn tam kiệt thì chỉ hai bàn tay trắng còn gây được sự nghiệp nghìn thu, huống hồ chỉ "đẻ" ra những linh vật. Và trong khoảng nước non từ đồng cô Hầu, núi Hoàng đế đến đèo An khê còn nhiều chuyện hư hư thực thực về nhà Tây Sơn.
“Còn non còn nước còn người
Còn duyên bút mực còn lời nước non”.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: cadao.com
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 25 tháng 1 năm 2005